

Xuân Lộc, ngày 01 tháng 5 năm 2026

PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT

Về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đối với từng người có đất thu hồi, chủ sở hữu tài sản bị ảnh hưởng bởi Dự án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, giải phóng mặt bằng Nâng cấp, mở rộng tuyến đường ĐT.773 (Long Thành - Cẩm Mỹ - Xuân Lộc), huyện Xuân Lộc, Cẩm Mỹ, Long Thành đoạn qua xã Xuân Hoà

Họ và tên người sử dụng đất: Ông Nguyễn Văn Tiến và bà Lê Thị An

Số định danh cá nhân/
Căn cước công dân: 049065019115 - 049165014595

Địa chỉ: Ấp Xuân Tâm 6, xã Xuân Hoà, tỉnh Đồng Nai

Số điện thoại: 09.82.000.297

Vị trí đất thu hồi: Quốc lộ 1 đoạn từ Giáp Trường Mầm non ấp 6 đến Hết chùa Quảng Long

Diện tích thu hồi: 11,40 m2

Loại đất thu hồi: đất trồng cây lâu năm (CLN)

Nguồn gốc đất thu hồi: Thửa đất số 102, tờ bản đồ số 174 (tờ bản đồ 63 xã Xuân Tâm cũ), mục đích sử dụng đất: trồng cây lâu năm (CLN) được Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DO 227706 ngày 31/7/2024 cho ông Nguyễn Văn Tiến và bà Lê Thị An. Đất sử dụng ổn định, không tranh chấp. Trong phạm vi thu hồi đất có công trình vật kiến trúc xây dựng 2002.

BẢNG TÍNH GIÁ TRỊ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ

I. ĐẤT ĐAI: Đơn giá theo Quyết định số/QĐ-UBND ngày/2026 của UBND tỉnh Đồng Nai; (Giấy xác nhận nguồn gốc đất thu hồi và tài sản gắn liền với đất thu hồi Số 40 ngày 26/4/2026 của UBND xã Xuân Hoà); PLI-847 (30.12) - 25. Xuân Hoà - TT.21

STT	Số thửa	Số tờ	DVT (m2)	Loại đất	Vị trí	Đơn giá	Số lượng	Tỷ lệ BT, hỗ trợ	Thành tiền	Tình trạng pháp lý; căn cứ quy định bồi thường (346)
1	26	193	m ²	CLN	2	159.000	11,400	100%	1.812.600	
Tổng đất đai:							11,400		1.812.600	

II. CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ: (Giấy xác nhận hộ gia đình, cá nhân được hỗ trợ ổn định đời sống; Hỗ trợ ổn định sản xuất Kinh Doanh; Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm làm việc số 70/UBND-KT ngày 28/4/2026 của UBND xã Xuân Hoà)

2	Hỗ trợ ổn định đời sống: (tỷ lệ % diện tích đất nông nghiệp thu hồi)						theo Điều 19 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ; Khoản 1 điều 10 QĐ số 42/2025/QĐ-UBND ngày 02/10/2025			
	Thu hồi dưới 30% đất NN	Có di chuyển chỗ ở	không di chuyển chỗ ở	Số tháng hỗ trợ	Đơn giá 1kg gạo là 20.000 đồng x 30 kg	Số nhân khẩu	Hỗ trợ so với đơn giá	Thành tiền	Tình trạng pháp lý; căn cứ quy định bồi thường	
	dưới 30%		x	3	600.000	2	0,5	1.800.000		
Tổng chính sách hỗ trợ:								1.800.000		

III. NHÀ, VẬT KIẾN TRÚC: xây dựng năm 2002

STT	Danh mục tài sản	Cấp hạng nhà	DVT	Đơn giá	Số lượng	Tỷ lệ BT, hỗ trợ	Thành tiền	Tình trạng pháp lý; căn cứ quy định bồi thường
1	Tường rào có móng đá chẻ, cột gạch, dầm bằng BTCT; tường xây gạch dày 10cm không có tô trát	thu hồi	đồng/m2	581.000	37,5090	100%	21.792.729	áp Tường rào có móng, cột, dầm bằng BTCT; tường xây gạch dày 10cm có tô trát
	Tường rào có móng đá chẻ, cột gạch, dầm bằng BTCT; tường xây gạch dày 10cm không có tô trát	ảnh hưởng	đồng/m2	581.000	4,5410	100%	2.638.321	áp Tường rào có móng, cột, dầm bằng BTCT; tường xây gạch dày 10cm có tô trát

2	Tường rào có móng, cột, đà bằng BTCT; tường xây gạch dày 20cm không tô trát		đồng/m2	673.000	14,7830	100%	9.948.959	áp Tường rào có móng, cột, đà bằng BTCT; tường xây gạch dày 20cm có tô trát
3	Công đào (ao nuôi trồng thủy sản hoặc làm hầm chứa nước, ao do cải tạo từ lòng suối, từ đầm phá, từ hồ bom để thành ao nuôi trồng thủy sản hoặc làm hầm chứa nước tưới)	thu hồi	đồng/m3	42.000	20,400	100%	856.800	
	Công đào (ao nuôi trồng thủy sản hoặc làm hầm chứa nước, ao do cải tạo từ lòng suối, từ đầm phá, từ hồ bom để thành ao nuôi trồng thủy sản hoặc làm hầm chứa nước tưới)	ảnh hưởng	đồng/m3	42.000	35,700	100%	1.499.400	
4	Hố đào đất		đồng/m3	42.000	16,3800	100%	687.960	
5	Hầm ga		m3	576.000	4,61580	100%	2.658.701	áp bằng Hồ chứa (hồ phân, hầm cầu...) xây gạch, lát đáy
6	Tấm đan bê tông cốt thép		m3	4.493.000	0,461580	100%	2.073.879	
Tổng nhà, vật kiến trúc:							42.156.749	

IV. CÂY TRỒNG

STT	Tên cây trồng	ĐVT	Đơn giá	Số lượng	Tỷ lệ BT, hỗ trợ	Thành tiền	Tình trạng pháp lý; căn cứ quy định bồi thường
1	Cau kiếng	cây	187.000	3	100%	561.000	
2	Cây sả	ha	145.000.000	0,00050	100%	72.500	áp cây rau gia vị các loại
3	Cây dừa Năm thứ 3	cây	1.037.626	1	100%	1.037.626	hàng ranh
4	Hoa giấy từ năm thứ nhất đến năm thứ 4	cây	36.700	2	100%	73.400	
Tổng cây trồng, hoa màu:						1.744.526	
V. THUỞNG ĐỐI VỚI NGƯỜI CÓ ĐẤT THU HỒI BÀN GIAO MẶT BẰNG TRƯỚC THỜI HẠN						4.000.000	Khoản 4, điều 15 QĐ số 42/2025/QĐ-UBND ngày 02/10/2025
TỔNG CỘNG (I+II+III+IV+V):						51.513.875	

VỊ TRÍ, DIỆN TÍCH, TIỀN SỬ DỤNG ĐẤT KHI GIAO ĐẤT TÁI ĐỊNH CƯ, GIÁ BÁN NHÀ Ở TÁI ĐỊNH CƯ CHO NGƯỜI ĐƯỢC BỎ TRÍ TÁI ĐỊNH CƯ HOẶC GIAO ĐẤT KHÁC CHO HỘ GIA ĐÌNH, CÁ NHÂN (NẾU CÓ): Không có

KHOẢN TIỀN CHƯA THỰC HIỆN NGHĨA VỤ TÀI CHÍNH VỀ ĐẤT ĐAI TRỪ VÀO TIỀN BỒI THƯỜNG ĐẤT (NẾU CÓ): Xác định tại thời điểm chi trả tiền bồi thường trên cơ sở thông tin về nghĩa vụ tài chính do Thuế cơ sở 1 Tỉnh Đồng Nai xác định.

TỔNG SỐ TIỀN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ ĐƯỢC NHẬN SAU KHI ĐÃ TRỪ ĐI TIỀN SỬ DỤNG ĐẤT, TIỀN THUÊ ĐẤT PHẢI NỘP VÀO SỐ TIỀN ĐƯỢC BỒI THƯỜNG VỀ ĐẤT (NẾU CÓ): 51.513.875 đồng

SỐ TIỀN ĐƯỢC GHI NỢ TIỀN SỬ DỤNG ĐẤT KHI ĐƯỢC GIAO ĐẤT TÁI ĐỊNH CƯ (NẾU CÓ): Không có